

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/DS-ST
Ngày 17-11-2017 Về việc
“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI TỈNH KON TUM

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Khen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Trọng Thư

2/ Bà Hoàng Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Trần Minh Quang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2017/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) C – Chi nhánh K; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; địa chỉ: 108 T, Quận H, Thành phố H; Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Anh T; Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh K; địa chỉ: 92 Trần Phú, thành phố K, tỉnh K, văn bản ủy quyền số: 008/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 14/01/2016. Có mặt.

2. *Đồng Bị Đơn:* Ông Đặng Văn T; bà Nguyễn Thị T; cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Cả hai vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Chị Đặng Thị D; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Vắng mặt.

3.2 Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K; Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Văn H; Chức vụ: Chi Cục trưởng; Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Xuân K; Chức vụ: Phó Chi cục trưởng; địa chỉ: thôn 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh K, văn bản ủy quyền số: 435/GUQ-CCTHADS ngày 25/10/2017. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2017 và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, nguyên đơn Ngân hàng V – Chi nhánh K trình bày: Ngày 28/01/2016 Ngân hàng V – Chi nhánh K và ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T ký kết hợp đồng tín dụng số 110NH/2016-HĐTD/NHCT510, nội dung:

- Số tiền vay: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).
- Số tiền giải ngân: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).
- Dư nợ thời điểm hiện tại: 495.850.000đ (Bốn trăm chín mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).
- Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí chăm sóc cao su và chăn nuôi bò thịt.
- Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 28/01/2016 đến ngày 28/01/2017).
- Lãi suất cho vay: 10%/năm tại thời điểm ký hợp đồng; Lãi suất áp dụng theo chương trình ưu đãi “Xuân thịnh vượng – vốn phát tài” 7%/năm.
- Thời hạn trả lãi: vào ngày 01 hàng tháng.

Để bảo đảm khoản vay trên, ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T thế chấp hai tài sản tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 52NH/2015/HĐTC ngày 26/01/2015, được công chứng tại Văn phòng công chứng V ngày 27/01/2015 (số công chứng 241, quyền số 01 TP/CC-SC/HĐGD). Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N, tỉnh K ngày 27/01/2015, cụ thể:

+ Tài sản 01: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 135811, thửa số 8, tờ bản đồ số 14, diện tích 21.838 m².

+ Tài sản 02: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 135810, thửa số 4, tờ bản đồ số 14, diện tích 25.843 m²,

Hai thửa đất cùng tọa lạc tại thôn X, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Chủ hộ ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T.

Mặc dù Ngân hàng đã thông báo, đôn đốc Hộ ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T trả nợ nhưng Hộ ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, khoản vay đã quá hạn gốc từ tháng 01/2017.

Để đảm bảo quyền lợi của bên cho vay là Ngân hàng V – Chi nhánh K, đề nghị Tòa án buộc bên vay vốn là ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay tổng số tiền tính đến ngày 17/11/2017 là 550.413.733đ (Năm trăm năm mươi triệu bốn trăm mười ba nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng); trong đó: Gốc là: 495.850.000 đồng, Lãi phát sinh là: 36.711.945 đồng; Lãi phạt quá hạn là: 17.811.788 đồng và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng trên cho đến khi ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T thanh toán hết nợ vay.

Trường hợp ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V – Chi nhánh K, yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trong biên bản ghi lời khai tại Toà án ngày 05/7/2017 ghi ý kiến của ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T đối với số tiền vay của Ngân hàng V – Chi nhánh K, ông T,

bà T công nhận khoản nợ vay của Ngân hàng V – Chi nhánh K là 500.000.000 đồng, thời gian vay là ngày 28/01/2016, thời hạn trả nợ là ngày 28/01/2017 và ông (bà) công nhận có thể chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng V – Chi nhánh K và hàng tháng ông (bà) vẫn thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng, đến tháng 04/2017 ông (bà) nhận được thông báo của Ngân hàng về việc đã khởi kiện đến Tòa án nên ông (bà) không trả lãi nữa, gia đình tôi trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng nhưng để gia đình tôi thu xếp và sẽ thỏa thuận trả nợ cho Ngân hàng sau.

Trong biên bản hoà giải tại Toà án ngày 27/7/2017 ghi ý kiến của ông T, bà T đối với yêu cầu trả nợ vay cho Ngân hàng V – Chi nhánh K, ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T công nhận khoản nợ vay của Ngân hàng V – Chi nhánh K là 500.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả số tiền lãi, vì lý do Ngân hàng đã khởi kiện đến Tòa án.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, người đại diện theo ủy quyền ông Đinh Xuân K trình bày: Ngày 15/4/2016 Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện N đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị T, tuy nhiên Chấp hành viên chưa tiến hành kê biên thực địa và xử lý tài sản của người phải thi hành án vì lý do tài sản kê biên là tài sản chung của hộ gia đình nên cần xác định phần sở hữu của mỗi thành viên trong hộ gia đình. Đề nghị Tòa án giải quyết việc tranh chấp giữa ông T, bà T với Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trong bài phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, nội dung tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết, thời gian giải quyết đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng V – Chi nhánh K, buộc ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng V – Chi nhánh K tổng số tiền tính đến ngày 17/11/2017 là 550.413.733 đồng; trong đó nợ gốc là 495.850.000 đồng, nợ lãi đến hạn là 36.711.945 đồng, lãi phạt là 17.851.788 đồng. Đối với tài sản thế chấp là hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N đã ra Quyết định cưỡng chế kê biên, nếu ông T, bà T không trả nợ cho Ngân hàng đề nghị Ngân hàng phối hợp với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn. Buộc ông T, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị D vắng mặt đến lần thứ hai mà không có người đại

diện, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T và chị Đặng Thị D.

Về quan hệ tranh chấp: Do vụ việc Tranh chấp giữa cá nhân không có đăng ký kinh doanh với tổ chức có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định theo quy định tại Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc áp dụng pháp luật của Bộ luật dân sự: Điều 688. Điều khoản chuyển tiếp của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định như sau:

1. Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau:

a)...

c) Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

Trong vụ án này thì giao dịch dân sự giữa Ngân hàng V – Chi nhánh K và ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nên được áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

* Xét hợp đồng tín dụng (hợp đồng chính) giữa Ngân hàng V – Chi nhánh K và ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T.

- Về nội dung tranh chấp: Ông(bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T và Ngân hàng V – Chi nhánh K đều thừa nhận: Ngày 28/01/2016 ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T có ký kết hợp đồng tín dụng số 110NH/2016-HĐTD/NHCT510 và nhận nợ với Ngân hàng V – Chi nhánh K với số tiền vay là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí chăm sóc cao su và chăn nuôi bò thịt; Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 28/01/2016 đến ngày 28/01/2017); Lãi suất cho vay: 10%/năm tại thời điểm ký hợp đồng; Lãi suất áp dụng theo chương trình ưu đãi “Xuân thịnh vượng – vốn phát tài” 7%/năm; Thời hạn trả lãi: vào ngày 01 hàng tháng; Hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức của hợp đồng nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng được lập giữa ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T và Ngân hàng V – Chi nhánh K là có thật và hợp pháp.

* Xét hợp đồng thế chấp tài sản (hợp đồng phụ): Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AG 135811, thửa số 8, tờ bản đồ số 14, diện tích 21.838 m² và quyền sử dụng đất số AG 135810, thửa số 4, tờ bản đồ số 14, diện tích 25.843 m², tại thôn X, xã Đ, huyện N, tỉnh K, do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh K cấp ngày 22/9/2006. Chủ hộ ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T, thế chấp tại hợp đồng số 52NH/2015/HĐTC ngày 26/01/2015, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất ngày 27/01/2015 và được công chứng ngày 27/01/2015.

Khoản 2 Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Trong trường hợp pháp luật có quy định hợp đồng phải thể hiện bằng văn bản có công chứng hoặc chứng thực, phải đăng ký hoặc xin phép thì phải tuân theo các quy định đó.

Điều 715 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên thế chấp dùng quyền sử dụng đất của mình để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ dân sự với bên nhận thế chấp. Bên thế chấp được tiếp tục sử dụng đất trong thời hạn thế chấp.

Như vậy hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T và Ngân hàng V – Chi nhánh K được ký kết là hoàn toàn tự nguyện được các đồng sở hữu tài sản hộ gia đình gồm ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị T, chị Đặng Thị D đồng ý thế chấp và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng ngày 27/01/2015, đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng thế chấp tài sản, căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 401; Điều 715 của Bộ luật dân sự năm 2005, công nhận hợp đồng thế chấp tài sản số 52NH/2015/HĐTC ngày 26/01/2015 giữa ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị T, chị Đặng Thị D và Ngân hàng V – Chi nhánh K là hợp pháp.

- Về khoản nợ vay:

Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.

Đối chiếu với quy định của Bộ luật dân sự và các điều khoản của hợp đồng tín dụng số 110NH/2016-HĐTD/NHCT510 được ký kết ngày 28/01/2016 giữa ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T và Ngân hàng V – Chi nhánh K, thì ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T đã vi phạm thời hạn trả tiền kể từ ngày 28/01/2017 đối với khoản nợ gốc là 500.000.000 đồng; khi đến hạn ông T bà T đã trả được khoản nợ gốc là 4.150.000 đồng, do đó nợ gốc tính đến ngày khởi kiện là 495.850.000 đồng; Lãi phát sinh là 10.266.612 đồng; Lãi phạt quá hạn là 4.629.132 đồng, và sau đó ông T, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đã vi phạm Điều 1, Điều 3 và Điều 7 của hợp đồng tín dụng, vì vậy việc Ngân hàng V – Chi nhánh K khởi kiện, yêu cầu ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T phải trả số nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/11/2017 là 550.413.733 đ (Năm trăm năm mươi triệu bốn trăm mười ba nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng) là có cơ sở.

Về xử lý tài sản thế chấp:

Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định xử lý tài sản thế chấp như sau: Trong trường hợp đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 336 và Điều 338 của Bộ luật này

Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Khi đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm bằng thế chấp quyền sử dụng đất mà bên thế chấp không thực hiện, hoặc

thực hiện không đúng nghĩa vụ thì quyền sử dụng đất đã thế chấp được xử lý theo thỏa thuận.

Ông (bà) Đặng Văn T, Nguyễn Thị T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm khi đến hạn (thời điểm đến hạn theo quy định tại hợp đồng cấp tín dụng) vi phạm các cam kết và nghĩa vụ của mình theo quy định của hợp đồng thế chấp, do đó Ngân hàng V – Chi nhánh K được xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AG 135811, thửa số 8, tờ bản đồ số 14, diện tích 21.838 m² và quyền sử dụng đất số AG 135810, thửa số 4, tờ bản đồ số 14, diện tích 25.843 m², tại thôn X, xã Đ, huyện N, tỉnh K, do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh K cấp ngày 22/9/2006 như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản giữa hai bên để thanh toán nợ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V – Chi nhánh K đề ngày 08/5/2017 về việc đòi bị đơn ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị T tổng số tiền nợ tính đến ngày 17/11/2017 là 550.413.733 đồng; trong đó: Nợ gốc là 495.850.000 đồng; Nợ lãi đến hạn là 36.711.945 đồng; Lãi phạt là 17.851.788 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 17/11/2017 là có cơ sở, theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 355; Khoản 2 Điều 401; 471; khoản 5 Điều 474; 715; 720; 721 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 144; 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 355, Khoản 2 Điều 401; 471; khoản 5 Điều 474; 715; 720; 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử như sau:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh K đề ngày 08 tháng 5 năm 2017.

Buộc ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh K tổng số tiền nợ tính đến ngày 17/11/2017 là 550.413.733 đồng; trong đó: Nợ gốc là 495.850.000 đồng; Nợ lãi đến hạn là 36.711.945 đồng; Lãi phạt là 17.851.788 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 17/11/2017 đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số: 110NH/2016-HĐTD/NHCT510 ngày 28/01/2016. Trường hợp ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị T không thanh toán số tiền nợ trên cho Ngân hàng Thương mại C – Chi nhánh Kon Tum, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh K được xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AG 135811, thửa số 8, tờ bản đồ số 14, diện tích 21.838 m² và quyền sử dụng đất số AG 135810, thửa số 4, tờ bản đồ số 14, diện tích 25.843 m², tại thôn X, xã Đ,

huyện N, tỉnh K, do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh K cấp ngày 22/9/2006, chủ hộ ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị T để thanh toán nợ.

Về án phí: Ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị T phải chịu 26.016.549đ (Hai mươi sáu triệu, không trăm mười sáu nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh K số tiền 12.215.000đ (Mười hai triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/0008791 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17-11-2017. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THA huyện Ngọc Hồi;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen